

Số: 66/THCSVLA

Vĩnh Lộc A, ngày 12 tháng 04 năm 2023

Về báo cáo công khai dự
toán ngân sách quý 1 năm
2023

Kính gửi: Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bình Chánh.

Căn cứ Công văn số 621/TCKH ngày 22/03/2021 của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bình Chánh về thực hiện chế độ báo cáo trong năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 13942/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Huyện giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường THCS Vĩnh Lộc A gửi báo cáo số liệu về báo cáo công khai dự toán ngân sách quý 1 năm 2023 theo các mẫu biểu đính kèm, như sau:

1. Quyết định công khai dự toán ngân sách quý 1 năm 2023
2. Bảng công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2023

Hồ sơ gửi kèm (nếu có):

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT.KT



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Hiếu Lễ

**Đơn vị: Trường THCS Vĩnh
Lộc A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/QĐ-THCSVLA

Vĩnh Lộc A, ngày 12 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách quý 1 năm 2023 của Trường THCS Vĩnh Lộc A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ đánh giá thực hiện dự toán thu- chi ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của phòng tài chính kế hoạch huyện Bình Chánh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quý 1 năm 2023 của Trường THCS Vĩnh Lộc A (theo biểu số 2 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thông báo đến tập thể nhà trường được biết, Phòng Tài chính huyện Bình Chánh để tổng hợp, Hiệu trưởng, kế toán trường THCS Vĩnh Lộc A thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Toàn thể viên chức, người lao động của trường;
- P.Tài chính kế hoạch;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Hiếu Lễ

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG THCS VINH LỘC A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66 /THCSVLA

Bình chánh, ngày 12 tháng 04 năm 2023

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 1 NĂM 2023**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Vinh Lộc A công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2023, như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm 2023 so quý 1 năm 2022 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	600%
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí, lệ phí tuyển dụng	2,094	409		
2	Dịch vụ				
3	Sự nghiệp khác				
3.1	Thỏa thuận	1,490	263	17.65%	355%
	Tổ chức học 2 buổi				
	Tiếng Anh tăng cường				
	Tiếng Anh có giáo viên nước ngoài				
	Boi lội	252	20	7.94%	
	Nghề khối 8	82	5	6.10%	7%
	Tin học quốc tế	170		0.00%	
	Kỹ năng sống	806	116	14.38%	
	Căn tin	180	122	67.78%	
3.2	Thu hộ	1,876		0.00%	0%
	Ấn trưa				
	Nước uống	105	7	6.67%	17%
	Giấy thi, đề kiểm tra	93	6	6.45%	10%
	Học phẩm (Sổ liên lạc, phù hiệu, logo, học bạ + bao bì lớp 6)	38	2	4.74%	6%
	Lớp 6				
	Lớp 7,8,9				
	Sổ liên lạc điện tử	186	13	6.99%	
	Bảo hiểm y tế (15 tháng)	-			
	Bảo hiểm y tế (12 tháng)	1,311	50	3.81%	34%
	Bảo hiểm tai nạn	53		0.00%	
	Thù lao BHYT HSSV (1,8% x Tổng thu)	24		0.00%	
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu (5%xtổng thu)	66		0.00%	0%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm 2023 so quý 1 năm 2022 (tỷ lệ %)
I	Chi sự nghiệp giáo dục				
a	<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>	696	261		
	Tiền công	96	24		
	Phúc lợi tập thể				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
	Vật tư văn phòng				
	Thông tin tuyên truyền liên lạc				
	Công tác phí				
	Chi phí thuê mướn				
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn KP thường xuyên				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	600	237		
	Thuế TNDN theo quy định 2%				
	Chi khác				
	Quỹ phúc lợi				
	Quỹ khen thưởng				
	Quỹ p.triển h/động SN				
	Chi nâng lương, NQ 04				
	...				
b	<u>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (chi hộ)</u>	1,876	189		
	Ăn trưa				
	Nước uống	105	14		
	Giấy thi, đề kiểm tra	93			
	Học phẩm (Sổ liên lạc, phù hiệu, logo, học bạ + bao bì lớp 6)	38	4		
	Lớp 6				
	Lớp 7,8,9				
	Sổ liên lạc điện tử	186	80		
	Bảo hiểm y tế (15 tháng)	-			
	Bảo hiểm y tế (12 tháng)	1,311	76		
	Bảo hiểm tai nạn	53			
	Thù lao BHYT HSSV (1,8% x Tổng thu)	24			
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu (5%xtổng thu)	66	15		
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm 2023 so quý 1 năm 2022 (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		2,592		
	Lương	4,824	1,240	25.70%	110%
	Lương theo ngạch bậc	4,824	1,213	25.15%	108%
	lương hợp đồng theo chế độ				
	Lương khác		27		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Phụ cấp	3,219	761	23.64%	146%
	Chức vụ	71	18	25.35%	
	Phụ cấp thêm giờ	742		0.00%	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	1,485	377	25.39%	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	30	34	113.33%	
	Phụ cấp TNVK, thâm niên nghề	648	162	25.00%	
	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành (nguồn 12)	243	170	69.96%	
	Tiền thưởng				
	Thưởng thường xuyên				
	Phúc lợi tập thể				
	Trợ cấp khó khăn thường xuyên				
	Trợ cấp khó khăn đột xuất				
	Tiền tàu xe nghỉ phép				
	Tiền y tế trong các cơ quan đơn vị				
	Chi khác				
	Các khoản đóng góp	1,295	328	25.33%	108%
	Bảo hiểm xã hội (17,5%)	979	244	24.92%	
	Bảo hiểm y tế (3%)	163	42	25.77%	
	Kinh phí công đoàn (2%)	99	28	28.28%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm 2023 so quý 1 năm 2022 (tỷ lệ %)
	Bảo hiểm thất nghiệp(1%)	54	14	25.93%	
	Truy nộp BHXH, BHYT, BHTN do nâng lương				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				0%
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán , tự chủ				
	Chi khác:Trợ cấp vùng sâu				
	Chi khác:Trợ cấp NQ 03				
	+ Hỗ trợ chế độ nhân viên y tế nguồn 12	5		0.00%	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	381	54	14.09%	211%
	Tiền điện	180	41	22.78%	
	Tiền nước	30	10	32.33%	
	Tiền Vệ sinh môi trường	20	3	15.00%	
	Vật tư văn phòng	150		0.00%	0%
	Vật tư văn phòng khác	1		0.00%	
	Thông tin ,tuyên truyền, liên lạc	74	2	2.57%	9%
	Cước điện thoại trong nước	12	1	4.17%	
	Thuê bao kênh vệ tinh;thuê bao cáp truyền hình; cước internet;thuê đường truyền mạng cáp	10	1	14.00%	
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách	41		0.00%	
	Khoản điện thoại	11		0.00%	
	Hội nghị	4		0.00%	
	In mua tài liệu	4		0.00%	
	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển				
	Các khoản thuê mướn khác				
	Chi bù tiền ăn				
	Chi phí khác				
	Công tác phí	37		0.00%	
	Tiền vé máy bay, tàu xe				
	Phụ cấp công tác phí				
	Tiền thuê phòng ngủ				
	Khoản công tác phí	37		0.00%	
	Chi phí thuê mướn	885	157	17.74%	99%
	Thuê phương tiện vận chuyển	25		0.00%	
	Thuê lao động trong nước				
	Thuê đào tạo cán bộ	20		0.00%	
	chi phí thuê mướn khác khác	840	157	18.69%	
	Sửa chữa thường xuyên	70	-	0.00%	0%
	Nhà cửa				
	Các thiết bị công nghệ thông tin	50		0.00%	
	Tài sản và thiết bị văn phòng	20		0.00%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm 2023 so quý 1 năm 2022 (tỷ lệ %)
	Đường điện cấp thoát nước				
	Sửa chữa các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác				
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn				
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Tài sản và thiết bị khác				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	251	15	5.98%	238%
	Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	80		0.00%	
	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động		12		
	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành				
	Hỗ trợ chi phí dịch vụ công chưa kết cấu vào giá				
	Chi phí khác (hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn)	171	3	1.75%	
	Mua sắm tài sản vô hình	128	10	7.81%	
	Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	120	10	8.33%	
	Xây dựng phần mềm công nghệ thông tin				
	Chi khác	8		0.00%	
	Chi lập các quỹ của đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	73		0.00%	
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
	Chi lập Quỹ phúc lợi	73		0.00%	
	Chi lập quỹ khen thưởng				
	Chi lập quỹ phát triển sự nghiệp				
	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm				
	Chi NQ04	7,360	25	0.34%	

Nơi nhận:

- CC, VC, NLĐ trường;
- P.TCKH để báo cáo;
- Niêm yết bản tin trường từ ngày 15/04/2023 Đến ngày 30/04/2023
- Lưu VT, 2b, (tên KT)

